

Số: 48/2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước và chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động sàn giao dịch các-bon trong nước

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2026/NĐ-CP của Chính phủ về sàn giao dịch các-bon trong nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước và chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động sàn giao dịch các-bon trong nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước và chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động sàn giao dịch các-bon trong nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng giám sát giao dịch là các chủ thể tham gia giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là đối tượng giám sát).

2. Chủ thể giám sát giao dịch

a) Thành viên giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon (sau đây gọi tắt là thành viên giao dịch các-bon);

b) Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

c) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

3. Đối tượng liên quan

a) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Thành viên lưu ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon (sau đây gọi tắt là thành viên lưu ký các-bon);

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước, lưu ký, giao dịch và thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon thuộc phạm vi sàn giao dịch các-bon trong nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon* là việc mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon thông qua hệ thống giao dịch các-bon của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. *Tiêu chí giám sát giao dịch* là nội dung và các tham số cụ thể do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành.

3. *Giao dịch bất thường* là giao dịch chạm vào tiêu chí giám sát giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành.

4. *Giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật* là giao dịch bất thường được Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội phân tích, xác định là giao dịch có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

5. *Chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên giao dịch các-bon* là nội dung do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam xây dựng, hướng dẫn

thành viên giao dịch các-bon thực hiện giám sát hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

6. *Tin đồn* là thông tin chưa được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xác nhận, kiểm chứng liên quan đến tổ chức sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon, liên quan đến hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon hoặc giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên hệ thống giao dịch các-bon.

Chương II

GIÁM SÁT GIAO DỊCH HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH, TÍN CHỈ CÁC-BON TRÊN SÀN GIAO DỊCH CÁC-BON TRONG NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và phương thức giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

1. Việc giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được thực hiện thống nhất, thường xuyên, liên tục, kịp thời và phối hợp chặt chẽ giữa Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, thành viên giao dịch các-bon nhằm bảo đảm sàn giao dịch các-bon trong nước hoạt động công khai, minh bạch, công bằng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia.

2. Thành viên giao dịch các-bon có trách nhiệm giám sát hoạt động giao dịch của các chủ thể mở tài khoản hoặc giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon tại thành viên giao dịch các-bon và báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định.

3. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện giám sát hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên cơ sở dữ liệu giao dịch từ hệ thống giao dịch các-bon, báo cáo giám sát và tài liệu liên quan của thành viên giao dịch các-bon, báo cáo và tài liệu liên quan của đối tượng giám sát, các cơ quan, tổ chức khác, kết hợp với các nguồn thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin đồn có liên quan thu thập được để kịp thời phát hiện, báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam các giao dịch bất thường, các giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện giám sát hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon, trên cơ sở báo cáo giám sát và dữ liệu giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, báo cáo giám sát và tài liệu liên quan của thành viên giao dịch các-bon, báo cáo và tài liệu liên quan của đối tượng giám sát, các cơ quan, tổ chức khác, kết hợp với các nguồn thông

tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, tin đồn có liên quan thu thập được để kịp thời phát hiện, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 5. Nội dung giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon của Sở giao dịch chứng khoán

Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện giám sát nhằm phát hiện các giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật về giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước, bao gồm:

1. Thực hiện hành vi cấu kết, lôi kéo người khác mua, bán hoặc sử dụng các phương pháp giao dịch khác hoặc kết hợp tung tin đồn sai sự thật, cung cấp thông tin sai lệch để thao túng giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

2. Các hành vi vi phạm khác về giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

1. Xây dựng và ban hành quy chế nghiệp vụ để triển khai công tác giám sát giao dịch, tiêu chí giám sát giao dịch trên hệ thống giao dịch các-bon áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên giao dịch các-bon sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon giữa Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các thành viên giao dịch các-bon.

3. Giám sát Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện công tác giám sát giao dịch trên hệ thống giao dịch các-bon theo quy chế và tiêu chí do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành.

4. Giám sát các thành viên giao dịch các-bon thực hiện giám sát hoạt động giao dịch của các chủ thể mở tài khoản hoặc có giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon tại các thành viên giao dịch các-bon.

5. Yêu cầu các thành viên giao dịch các-bon, đối tượng giám sát báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon phục vụ công tác giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

6. Phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện kiểm tra hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Xây dựng và ban hành Quy trình giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon để đảm bảo thực hiện công tác giám sát có hiệu quả.

2. Yêu cầu các thành viên giao dịch các-bon, đối tượng giám sát báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon phục vụ công tác giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

3. Phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện kiểm tra hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của thành viên giao dịch các-bon, thành viên lưu ký các-bon

1. Nghĩa vụ của thành viên giao dịch các-bon

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP;

b) Triển khai áp dụng hệ thống chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành;

c) Đảm bảo lệnh đặt vào hệ thống là lệnh đặt của các tài khoản giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đã được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đăng ký thông tin lưu ký;

d) Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, dữ liệu và giải trình cho Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện công tác giám sát giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước và cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện kiểm tra đối với hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

2. Nghĩa vụ của thành viên lưu ký các-bon

Thành viên lưu ký các-bon có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 15 và nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 23 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để phục vụ hoạt động giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

2. Thực hiện giám sát thành viên lưu ký các-bon trong việc tuân thủ quy định về hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo quy định tại Nghị định số 29/2026/NĐ-CP và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trên cơ sở dữ liệu lưu ký, thanh toán giao dịch từ hệ thống lưu ký và thanh toán giao dịch các bon, báo cáo và hồ sơ, tài liệu của thành viên lưu ký các-bon, tài liệu và giải trình của tổ chức liên quan (nếu cần thiết). Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến sàn giao dịch các-bon trong nước của thành viên lưu ký, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử lý theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện kiểm tra hoạt động giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon có dấu hiệu vi phạm pháp luật (trong trường hợp cần thiết).

4. Thực hiện rà soát thông tin mở tài khoản lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon của các chủ thể tham gia giao dịch để đảm bảo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Có ý kiến đối với quy chế nghiệp vụ để triển khai công tác giám sát giao dịch, tiêu chí giám sát giao dịch trên hệ thống giao dịch các-bon áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chỉ tiêu báo cáo giám sát giao dịch áp dụng cho thành viên giao dịch các-bon do Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam xây dựng.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra đối với hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước trên cơ sở báo cáo kết quả giám sát của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về các giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Khi thực hiện kiểm tra đối với hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được yêu cầu các đối tượng giám sát, thành viên giao dịch các-bon báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

4. Tổ chức làm việc với đối tượng giám sát, thành viên giao dịch các-bon và tổ chức, cá nhân có liên quan đến về hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước khi thực hiện kiểm tra đối với hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

5. Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 33 Nghị định số 29/2026/NĐ-CP.

Điều 11. Trách nhiệm của các đối tượng giám sát

1. Có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên giao dịch các-bon, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

2. Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, dữ liệu và giải trình theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội khi thực hiện công tác giám sát giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

3. Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, dữ liệu, giải trình và đến làm việc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi thực hiện kiểm tra đối với hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước.

Điều 12. Báo cáo giám sát giao dịch

1. Thành viên giao dịch các-bon gửi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội báo cáo giám sát giao dịch định kỳ, báo cáo giám sát đột xuất và theo yêu cầu về kết quả giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon. Các nội dung cụ thể về báo cáo theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

2. Thành viên lưu ký các-bon gửi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và báo cáo theo yêu cầu liên quan đến tình hình lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon. Các nội dung cụ thể về báo cáo theo Quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong vòng 24 giờ kể từ khi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam phát hiện. Báo cáo giám sát giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật phải có nội dung phân tích riêng từng vụ việc trong đó nêu rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật về giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và kiến nghị biện pháp xử lý.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo giám sát thành viên lưu ký các-bon có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến tình hình lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn các-bon trong nước trong vòng 24 giờ kể từ khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

phát hiện. Báo cáo cần nêu rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật và kiến nghị biện pháp xử lý.

5. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát giao dịch đột xuất và theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Báo cáo giám sát giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử. Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản điện tử được gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VỚI ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG SÀN GIAO DỊCH CÁC-BON TRONG NƯỚC

Điều 13. Nội dung báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán

1. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước, kết quả giám sát giao dịch, thành viên giao dịch các-bon. Các nội dung báo cáo gồm:

a) Về ban hành các quy chế, quy trình hoạt động nghiệp vụ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ trên sàn giao dịch các-bon trong nước theo quy định;

b) Về chấp thuận đăng ký, đình chỉ, chấm dứt tham gia hệ thống giao dịch các-bon của thành viên giao dịch các-bon; kết quả làm trung gian hòa giải theo yêu cầu của thành viên giao dịch các-bon khi phát sinh tranh chấp liên quan đến hoạt động giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước;

c) Về tình hình giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước;

d) Về kết quả giám sát Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, Thông tư này và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;

đ) Về giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với thành viên giao dịch các-bon trong việc tuân thủ nghĩa vụ quy định tại Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, Thông tư này và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;

e) Về giám sát giao dịch có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có nghĩa vụ thực hiện báo cáo đột xuất và theo yêu cầu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước, kết quả giám sát giao dịch, thành viên giao dịch các-bon.

Điều 14. Nội dung báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và thành viên lưu ký các-bon. Các nội dung báo cáo gồm:

a) Về ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ trên sàn giao dịch các-bon trong nước theo quy định;

b) Về việc chấp thuận đăng ký tham gia, đình chỉ, chấm dứt tham gia hệ thống lưu ký và thanh toán giao dịch các-bon của thành viên lưu ký các-bon;

c) Về tình hình lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;

d) Về giám sát, xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký các-bon trong việc tuân thủ nghĩa vụ quy định về hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo quy định tại Nghị định số 29/2026/NĐ-CP và quy chế của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Ngoài chế độ báo cáo định kỳ nêu trên, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất và theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và thành viên lưu ký các-bon.

Điều 15. Thời hạn, mẫu báo cáo và phương thức nhận báo cáo

1. Thời gian chốt số liệu báo cáo

a) Báo cáo quý: tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên thuộc kỳ báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

b) Báo cáo năm: tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Thời hạn báo cáo

a) Báo cáo định kỳ quý, năm được Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định số 29/2026/NĐ-CP;

b) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội phải báo cáo đột xuất bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh các sự kiện, sự cố ảnh hưởng đến giao dịch của hệ thống giao dịch các-bon và các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố;

c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải báo cáo đột xuất bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh các sự kiện, sự cố ảnh hưởng đến hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố;

d) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo bằng văn bản. Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng thời hạn và nội dung yêu cầu báo cáo.

3. Mẫu báo cáo

a) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Phương thức nhận báo cáo

Báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy và văn bản điện tử. Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản điện tử được gửi qua hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Chương IV

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 5 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản mới.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên giao dịch các-bon, thành viên lưu ký các-bon và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. / . *nsz*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc Hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (70b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ QUÝ, NĂM CỦA SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

*(Kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm 20....

BÁO CÁO

Tình hình giao dịch, kết quả giám sát giao dịch, thành viên giao dịch
trên sàn giao dịch các-bon trong nước

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**
- Về việc chấp thuận đăng ký, đình chỉ, chấm dứt tham gia hệ thống giao dịch các-bon của thành viên giao dịch**

Đối tượng	Số lượng đầu kỳ	Số lượng trong kỳ		Số lượng cuối kỳ	Nêu chi tiết về đối tượng, lý do tăng/giảm
		Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6
Thành viên giao dịch hạn ngạch phát thải nhà kính, tín chỉ các-bon					

Cột 1: thể hiện thành viên giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon đã được hệ thống ghi nhận

Cột 2: thể hiện tổng số lượng thành viên đang hoạt động trên hệ thống giao dịch tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng thành viên mới được chấp thuận đăng ký tham gia hệ thống giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng thành viên bị đình chỉ hoặc chấm dứt quyền tham gia hệ thống giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số lượng thành viên đang hoạt động tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo = [Số lượng đầu kỳ (Cột 2) + Số lượng tăng trong kỳ (Cột 3) - Số lượng giảm trong kỳ (Cột 4)]

Cột 6: thể hiện thông tin cụ thể về tên thành viên mới (nếu tăng), tên thành viên bị xử lý (nếu giảm) kèm theo nguyên nhân cụ thể

3. Hoạt động trung gian hòa giải tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải khác phát sinh trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Tổng số hồ sơ làm trung gian hòa giải khác đã giải quyết trong kỳ báo cáo	Số cuối kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Cột 1: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam phát sinh trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải về giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số hồ sơ làm trung gian hòa giải trong lĩnh vực khác của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số hồ sơ đang giải quyết và chưa giải quyết làm trung gian hòa giải của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trong kỳ báo cáo

4. Về tình hình giao dịch trên sàn giao dịch các-bon trong nước

Mẫu biểu 1:

STT	Loại hàng hóa	Số lượng chủ thể tham gia giao dịch tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo (tài khoản)
1	2	3
1	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính	
2	Tín chỉ các-bon	

Cột 1: thể hiện số thứ tự của các loại hàng hóa giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện tên cụ thể của loại hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện số lượng chủ thể tham gia giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính hoặc tín chỉ các-bon.

STT	Loại hàng hóa	Mã trong nước	Tổng khối lượng giao dịch (hạn ngạch/ tín chỉ)	Tổng giá trị giao dịch (đồng)	Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo (đồng)	Biến động giá giao dịch so với giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo trước (%)
1	2	3	4	5	6	7
1	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính					
2	Tín chỉ các-bon					
2.1	Tín chỉ A					
2.2	Tín chỉ B					
					

Cột 1: thể hiện số thứ tự của các loại hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện tên cụ thể của loại hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện mã được cấp để định danh của hạn ngạch phát thải khí nhà kính hoặc tín chỉ các-bon trên lãnh thổ Việt Nam

Cột 4: thể hiện tổng khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon đã giao dịch thành công trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng giá trị giao dịch của hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon tương ứng với khối lượng hàng hoá đã giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện mức giá đóng cửa của hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon tại ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tỷ lệ biến động giá (%) của ngày giao dịch cuối cùng kỳ này so với ngày giao dịch cuối cùng kỳ báo cáo trước = $[(\text{Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng kỳ báo cáo} - \text{Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng kỳ báo cáo trước}) / \text{Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng kỳ báo cáo trước}] \times 100$

Mẫu biểu 2:

- Báo cáo quý/năm đối với giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính (theo mã sản phẩm):

Thời gian	Mã sản phẩm	Tổng khối lượng giao dịch	% thay đổi so với kỳ trước	Tổng giá trị giao dịch	% thay đổi so với kỳ trước	Tổng khối lượng giao dịch lũy kế	Tổng giá trị giao dịch lũy kế	Khối lượng giao dịch bình quân ngày	% thay đổi so với kỳ trước	Giá trị giao dịch bình quân ngày	% thay đổi so với kỳ trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Cột 1: thể hiện thời gian cụ thể của kỳ báo cáo (theo quý hoặc theo năm)

Cột 2: thể hiện mã được cấp để định danh của hạn ngạch phát thải khí nhà kính được giao dịch trên sàn

Cột 3: thể hiện tổng khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã giao dịch thành công trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tỷ lệ biến động khối lượng (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = $[(\text{Tổng khối lượng giao dịch kỳ này} - \text{Tổng khối lượng giao dịch kỳ trước}) / \text{Tổng khối lượng giao dịch kỳ trước}] \times 100$

Cột 5: thể hiện tổng giá trị giao dịch của hạn ngạch phát thải khí nhà kính tương ứng với khối lượng hàng hóa đã giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tỷ lệ biến động giá trị (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = $[(\text{Tổng giá trị giao dịch kỳ này} - \text{Tổng giá trị giao dịch kỳ trước}) / \text{Tổng giá trị giao dịch kỳ trước}] \times 100$

Cột 7: thể hiện tổng khối lượng giao dịch lũy kế tính từ ngày 01 tháng 01 của năm báo cáo đến hết kỳ báo cáo hiện tại

Cột 8: thể hiện tổng giá trị giao dịch lũy kế tính từ ngày 01 tháng 01 của năm báo cáo đến hết kỳ báo cáo hiện tại

Cột 9: thể hiện khối lượng giao dịch bình quân tính trên một ngày giao dịch trong kỳ báo cáo = $\text{Tổng khối lượng giao dịch trong kỳ (Cột 3)} / \text{Số ngày giao dịch thực tế}$

Cột 10: thể hiện tỷ lệ biến động khối lượng giao dịch bình quân ngày (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = $[(\text{khối lượng giao dịch bình quân ngày kỳ này (Cột 9)} - \text{khối lượng giao dịch bình quân ngày kỳ trước}) / \text{khối lượng giao dịch bình quân ngày kỳ trước}] \times 100$

Cột 11: thể hiện giá trị giao dịch bình quân tính trên một ngày giao dịch trong kỳ báo cáo = $\text{Tổng giá trị giao dịch trong kỳ (Cột 5)} / \text{Số ngày giao dịch thực tế}$

Cột 12: thể hiện tỷ lệ biến động giá trị giao dịch bình quân ngày (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = $[(\text{giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ này} - \text{giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ trước}) / \text{giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ trước}] \times 100$

này (Cột 11) - giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ trước) / giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ trước] x 100

- Báo cáo quý/năm đối với giao dịch tín chỉ các-bon (theo mã sản phẩm):

Thời gian	Loại tín chỉ	Mã sản phẩm	Tổng khối lượng giao dịch	% thay đổi so với kỳ trước	Tổng giá trị giao dịch	% thay đổi so với kỳ trước	Tổng khối lượng giao dịch lũy kế	Tổng giá trị giao dịch lũy kế	Khối lượng giao dịch bình quân ngày	% thay đổi so với kỳ trước	Giá trị giao dịch bình quân ngày	% thay đổi so với kỳ trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Cột 1: thể hiện thời gian cụ thể của kỳ báo cáo (theo quý hoặc theo năm)

Cột 2: thể hiện tên loại tín chỉ các-bon được giao dịch

Cột 3: thể hiện mã được cấp để định danh của sản phẩm tín chỉ các-bon giao dịch trên sàn

Cột 4: thể hiện tổng khối lượng tín chỉ các-bon đã giao dịch thành công trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tỷ lệ biến động khối lượng (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = [(Tổng khối lượng giao dịch kỳ này - Tổng khối lượng giao dịch kỳ trước) / Tổng khối lượng giao dịch kỳ trước] x 100

Cột 6: thể hiện tổng giá trị giao dịch tương ứng với khối lượng hàng hóa đã giao dịch thành công trong kỳ báo cáo

Cột 7: thể hiện tỷ lệ biến động giá trị (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = [(Tổng giá trị giao dịch kỳ này - Tổng giá trị giao dịch kỳ trước) / Tổng giá trị giao dịch kỳ trước] x 100

Cột 8: thể hiện tổng khối lượng giao dịch lũy kế tính từ ngày 01 tháng 01 của năm báo cáo đến hết kỳ báo cáo hiện tại

Cột 9: thể hiện tổng giá trị giao dịch lũy kế tính từ ngày 01 tháng 01 của năm báo cáo đến hết kỳ báo cáo hiện tại

Cột 10: thể hiện khối lượng giao dịch bình quân tính trên một ngày giao dịch trong kỳ báo cáo = Tổng khối lượng giao dịch trong kỳ (Cột 4)/Số ngày giao dịch thực tế

Cột 11: thể hiện tỷ lệ biến động khối lượng giao dịch bình quân ngày (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = [(khối lượng giao dịch bình quân ngày kỳ này - khối lượng giao dịch bình quân ngày kỳ trước) / khối lượng giao dịch bình quân ngày kỳ trước] x 100

Cột 12: thể hiện giá trị giao dịch bình quân tính trên một ngày giao dịch trong kỳ báo cáo = Tổng giá trị giao dịch trong kỳ (Cột 6) / Số ngày giao dịch thực tế

Cột 13: thể hiện tỷ lệ biến động giá trị giao dịch bình quân ngày (%) của kỳ báo cáo này so với kỳ báo cáo trước = [(giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ này - giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ trước) / giá trị giao dịch bình quân ngày kỳ trước] x 100.

5. Kết quả giám sát đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

6. Về việc giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với thành viên giao dịch các-bon

a) Về hoạt động giám sát, kiểm tra và kết quả giám sát, kiểm tra đối với thành viên giao dịch các-bon

b) Về kết quả xử lý vi phạm

Nội dung	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ trước	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam	Tổng số vụ việc đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
.....						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung hành vi vi phạm

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đã xử lý theo thẩm quyền của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo = số vụ việc chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số vụ việc phát sinh trong kỳ báo cáo - số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 7: nêu rõ đối tượng vi phạm, thời gian vi phạm

7. Hoạt động giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon có dấu hiệu vi phạm pháp luật

Nội dung	Số vụ việc phát sinh trong kỳ	Số vụ việc đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong kỳ	Số vụ việc tồn cuối kỳ	Ghi chú
1	2	3	4	5
Vụ việc có dấu hiệu vi phạm				
Báo cáo phân tích theo yêu cầu				
Tổng cộng				

Cột 1: thể hiện nội dung báo cáo

Cột 2: thể hiện số vụ việc phát sinh mới trong kỳ báo cáo

Cột 3: số vụ việc Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về dấu hiệu vi phạm/báo cáo theo yêu cầu

Cột 4: thể hiện Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam còn tồn cuối kỳ báo cáo

Cột 5: Nêu chi tiết các mã đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

8. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,(...b)

TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ QUÝ, NĂM CỦA TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ
VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

*(Kèm theo Thông tư số 48/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ
BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngàythángnăm

BÁO CÁO

Về hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon và giám sát thành viên lưu ký các-bon

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

2. Về việc chấp thuận đăng ký, đình chỉ, chấm dứt tham gia hệ thống lưu ký và thanh toán giao dịch các-bon của thành viên lưu ký

Đối tượng	Số lượng đầu kỳ	Số lượng trong kỳ		Số lượng cuối kỳ	Nêu chi tiết về đối tượng, lý do tăng/giảm
		Tăng	Giảm		
Thành viên lưu ký					

3. Về tình hình lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

a) Số tài khoản lưu ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon (sau đây gọi là tài khoản lưu ký các-bon)

Đơn vị: Tài khoản

STT	Loại tài khoản	Đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
1	Nhà đầu tư trong nước				
2	Nhà đầu tư nước ngoài				
Tổng cộng					

Cột 1: thể hiện số thứ tự các loại tài khoản lưu ký các-bon được theo dõi trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện phân loại tài khoản theo đối tượng sở hữu trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng số lượng tài khoản lưu ký các-bon đã được mở và đang tồn tại trên hệ thống tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện số lượng tài khoản lưu ký mới được mở thành công trên hệ thống lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện số lượng tài khoản lưu ký các-bon đã thực hiện đóng hoặc bị tắt toán, hủy bỏ tư cách theo quy định trong kỳ báo cáo

Cột 6: thể hiện tổng số lượng tài khoản lưu ký các-bon còn đang hoạt động tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo

b) Số dư lưu ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

Đơn vị: Hạn ngạch/tín chỉ các-bon

STT	Loại hàng hoá	Đầu kì	Phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
1	Hạn ngạch phát thải khí nhà kính				
2	Tín chỉ các-bon A				
3	Tín chỉ các-bon B				
Tổng số					

Cột 1: thể hiện số thứ tự của các loại hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon giao dịch trong kỳ báo cáo

Cột 2: thể hiện tên cụ thể của loại hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trong kỳ báo cáo

Cột 3: thể hiện tổng khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon đang lưu ký trên hệ thống tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon tương ứng được ký gửi vào hệ thống lưu ký, thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon đã rút ký gửi trong kỳ báo cáo

Cột 6: tổng khối lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon còn lại trên tài khoản lưu ký tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo

c) Số liệu thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon

- Tổng giá trị thanh toán tiền giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã thực hiện trong kỳ báo cáo:.....đồng

- Tổng giá trị thanh toán tiền giao dịch tín chỉ các-bon đã thực hiện trong kỳ báo cáo:.....đồng

- Số trường hợp chậm thanh toán/mất khả năng thanh toán giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trong kỳ báo cáo (nếu có):.....

4. Về việc giám sát, xử lý vi phạm đối với thành viên lưu ký các-bon

a) Về hoạt động giám sát và kết quả giám sát

b) Về kết quả xử lý vi phạm

Nội dung	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ trước	Tổng số vụ việc phát hiện trong kỳ báo cáo	Tổng số vụ việc đã xử lý theo thẩm quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	Tổng số vụ việc đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Số vụ việc chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
.....						
Tổng cộng						

Cột 1: thể hiện nội dung vi phạm

Cột 2: thể hiện tổng số vụ việc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chưa giải quyết xong trong kỳ báo cáo trước

Cột 3: thể hiện số vụ việc có dấu hiệu vi phạm Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phát hiện trong kỳ báo cáo

Cột 4: thể hiện tổng số vụ việc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã xử lý theo thẩm quyền của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong kỳ báo cáo

Cột 5: thể hiện tổng số vụ việc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Cột 6: thể hiện tổng số vụ việc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã nhận đầy đủ và hợp lệ nhưng chưa giải quyết xong trong kỳ

báo cáo = số vụ việc chưa giải quyết xong của kỳ trước chuyển sang + số vụ việc phát sinh trong kỳ báo cáo - số vụ việc đã giải quyết trong kỳ báo cáo

Cột 7: nêu rõ đối tượng vi phạm, thời gian vi phạm

5. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, (...b)

**TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY
LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN
VIỆT NAM**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)